TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** TỈNH NGHỆ AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 02 – 2024
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Hải.
- Bà Lê Thị Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 269/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đồng Bá V. Sinh năm 198x. Địa chỉ xóm A, xã VS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị T. Sinh năm 198x. Hộ khẩu thường trú xóm A, xã VS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Tạm trú tại khối HS, phường HS, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 24/01/200x tại Ủy ban nhân dân xã VS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Từ khi kết hôn đến tháng 8/2020 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ tháng 8/2020 đến nay chúng tôi sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 8/2020 đến nay bà Bùi Thị T bỏ nhà ra đi và không còn quan tâm gì đến chồng, con, không chăm lo cho cuộc sống của gia đình. Đến nay ông Đồng Bá V thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đồng Bá V làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Đồng Bá V được ly hôn bà Bùi Thị T.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T có 04 (Bốn) con chung là Đồng Thị Thúy A – sinh ngày 31/5/200x, Đồng Bá B – sinh ngày 23/9/200x, Đồng Bá D – sinh ngày 13/7/201x, Đồng Bá Đ – sinh ngày 13/7/201x. Ly hôn thì ông Đồng Bá V đề nghị Tòa án giao 04 (Bốn) con chung cho ông Đồng Bá V được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Đồng Bá V không yêu cầu Tòa án buộc bà Bùi Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đồng Bá V không yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại bản tự khai, bị đơn trình bày ý kiến như sau: Bà Bùi Thị T đồng ý với ý kiến trình bày của ông Đồng Bá V về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, thời gian sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn. Đến nay, bà Bùi Thị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Bùi Thị T đồng ý ly hôn với ông Đồng Bá V.

- Về con chung: Ly hôn thì bà Bùi Thị T đề nghị Tòa án giao 04 (Bốn) con chung cho ông Đồng Bá V được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn.

Tại phiên toà và tại phần tranh luận: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi nhận xét, đánh giá việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và phân tích nội dung vụ án; đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; các Điều 71, 72, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ông Đồng Bá V được ly hôn bà Bùi Thị T.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Đồng Thị Thúy A – sinh ngày 31/5/200x, Đồng Bá B – sinh ngày 23/9/200x, Đồng Bá D – sinh ngày 13/7/201x, Đồng Bá Đ – sinh ngày 13/7/201x cho ông Đồng Bá V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Đồng Bá V không yêu cầu bà Bùi Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc ông Đồng Bá V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ông Đồng Bá V có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, do đó đây là vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con.

Bị đơn là bà Bùi Thị T đang tạm trú tại khối Hồng Sơn, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhưng bà Bùi Thị T đồng ý giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã có ý kiến trình bày đầy đủ; xét việc vắng mặt của bị đơn tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã VS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 24/01/200x tại Ủy ban nhân dân xã VS, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An; việc kết hôn giữa ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, do đó hôn nhân giữa ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T là hợp pháp.

Căn cứ vào ý kiến trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T từ tháng 8/2020 đến nay sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không người nào có biện pháp để gìn giữ hạnh phúc gia đình, điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đều đề nghị giải quyết ly hôn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Bá V, giải quyết cho ông Đồng Bá V được ly hôn bà Bùi Thị T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T có 04 (Bốn) con chung là Đồng Thị Thúy A – sinh ngày 31/5/200x, Đồng Bá B – sinh ngày 23/9/200x, Đồng Bá D – sinh ngày 13/7/201x, Đồng Bá Đ – sinh ngày 13/7/201x. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đồng Bá V có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng 04 (Bốn) con chung và bà Bùi Thị T cũng đề nghị giao 04 (Bốn) con chung cho ông Đồng Bá V chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến trình bày của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của các con nên cần giao 04 (Bốn) con chung cho ông Đồng Bá V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đồng Bá V không yêu cầu bà Bùi Thị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đồng Bá V và bà Bùi Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Đồng Bá V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đồng Bá V được ly hôn bà Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Đồng Thị Thúy A (Sinh ngày 31/5/200x), Đồng Bá B (Sinh ngày 23/9/200x), Đồng Bá D (Sinh ngày 13/7/201x), Đồng Bá Đ (Sinh ngày 13/7/201x) cho ông Đồng Bá V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Bùi Thị T.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc ông Đồng Bá V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nạp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003107 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Đồng Bá V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Bùi Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND Văn Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hà